TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2024/HC-PT
Ngày: 09 - 5 - 2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1151/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 119/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 942/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Nhật T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Phú Hòa, thị trấn Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

Chỗ ở: Số 02 Tagore, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1/Ủy ban nhân dân huyện C (xin xét xử vắng mặt)

2/Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số G đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn D, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

- Ông Võ Đông G, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/Ủy ban nhân dân tỉnh B

Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Đỗ Xuân T1, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thủy lợi tỉnh B (vắng mặt)

- Ông Lê Phú Q1, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Quản lý , khai thác công trình thủy lợi tỉnh B (vắng mặt)

3/Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4/Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số C P, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Phú Q1, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Quản lý , khai thác công trình thủy lợi tỉnh B (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Quy .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Năm 1982, ông Q khai hoang diện tích đất khoảng 2.500m^2 tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đất ông Q khai hoang tiếp giáp đất của ông B, phần đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ ông Q (số vào sổ cấp GCN CH02557 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13-6-2016) và hồ chứa nước Suối Sao.

Ngày 29-3-2022, Thanh tra huyện chủ trì xác minh thực địa thì diện tích đất ông Q khai hoang theo đo vẽ thực tế là 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68). Ông Q đã sử dụng đất ổn định từ khi khai hoang tới nay, không có tranh chấp với bất kỳ ai. Quá

trình sử dụng đất của ông Q cụ thể như sau: Năm 1982 trồng bắp, đến năm 1990 chuyển sang trồng cà phê. Năm 2000, cà phê rớt giá thì trồng tiêu. Đến năm 2006 chuyển qua trồng chuối. Từ năm 2011 đến nay trồng cỏ để nuôi bò. Hiện tại, ông Q sử dụng đất để trồng chuối và cỏ voi nuôi bò. Ông Q không có chứng cứ chứng minh quá trình sử dụng đất nhưng có các ông Ma L, Nguyễn C, Bạch Kinh C1, Lê H1 làm chứng thể hiện tại Vi bằng số 132/2023/VB-TPLMN ngày 22-5-2023.

Ngày 25-10-2018, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3002/QĐ-UBND về phê duyệt báo cáo kỹ thuật - Tổng dự toán sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao tại xã Q, huyện C. Các hộ dân xung quanh đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Phần đất diện tích 2.173m^2 nói trên của ông Q cũng nằm trong khu vực bị thu hồi nhưng không được bồi thường.

Ông Q đã làm đơn đề nghị được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ủy ban nhân dân huyện C sau khi xác minh và làm việc đã ban hành Văn bản số 269/UBND-VP ngày 27-01-2022 với nội dung: "*… phần thửa đất thu hồi số 31 tờ bản đồ thu hồi đất số 1, tương ứng với thửa số 4 tờ bản đồ địa chính số 22 xã Q do Trung tâm Quản lý, khai thác công trình Thủy lợi quản lý, khai thác sử dụng theo Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 27-10-2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, Uỷ ban nhân dân huyện không tính toán đối với diện tích đất Ông cho rằng chưa được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định"*(viết tắt là Văn bản số 269/UBND-VP).

Ông Q không đồng ý đã làm đơn khiếu nại. Ngày 27-5-2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1481/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn của ông Q, giữ nguyên nội dung Văn bản số 269/UBND-VP của Ủy ban nhân dân huyện C (Viết tắt là Quyết định số 1481/QĐ-UBND).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 77, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 3 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì ông Q có quyền được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi phần đất nêu trên.Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 269/UBND-VP của Ủy ban nhân dân huyện C.

- Hủy Quyết định số 1481/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi diện tích đất 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68) tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Q theo quy định pháp luật.

Ý kiến người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

Phần đất diện tích 2.173m^2 số thửa 04, số tờ bản đồ 22 tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (tương ứng một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68 theo bộ bản đồ đo đạc năm 2020) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đo đạc theo sự chỉ ranh của ông Q tại Mảnh trích đo địa chính ngày 20-4-2022 nằm trong phạm vi khu vực lòng hồ chứa nước Suối Sao tại xã Q, huyện C.

Công trình hồ chứa nước Suối Sao có tổng diện tích 52.412m^2 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 22 xã Q. Công trình này được hình thành từ năm 1988, do Nông trường cà phê C xây dựng để phục vụ tưới tiêu cho các hộ dân hợp đồng trồng cà phê cho Nông trường. Đến năm 1991, Nông trường giải thể, các hộ dân vẫn tiếp tục sử dụng để tưới tiêu. Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ năm 1999, năm 2004 và năm 2009 đều thể hiện là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã Q quản lý.

Ngày 27-10-2011, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 2407/QĐ-UBND về việc giao công trình hồ chứa nước Suối Sao cho Trung tâm quản lý , khai thác công trình thủy lợi tỉnh B quản lý, khai thác sử dụng. Đến ngày 28-02-2012, Ủy ban nhân dân huyện C chính thức có Biên bản bàn giao khu đất hồ C cho Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Ngày 25-10-2018, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3002/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kỹ thuật - Tổng dự toán sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao, xã Q, huyện C. Trong quá trình triển khai công tác kiểm kê, thu hồi đất để thực hiện Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao thì ông Q có đơn khiếu nại, yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 2.173m^2 nêu trên.

Ngày 27-01-2022, Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản số 269/UBND-VP trả lời đơn kiến nghị của ông Q về việc yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Không đồng ý với Văn bản trả lời của Uỷ ban nhân dân huyện, ngày 04-3-2022, ông Q có đơn khiếu nại. Ngày 27-5-2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1481/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác nội dung khiếu nại của ông Q và giữ nguyên Văn bản số 269/UBND-VP.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến bà Nguyễn Thị Thu H:

Bà H là vợ ông Q. Bà H thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông Q, không bổ sung gì thêm.

- Ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh B:

Ủy ban nhân dân tỉnh B thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Ý kiến Ủy ban nhân dân xã Q:

Ủy ban nhân dân xã Q không gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án. Ủy ban nhân dân xã Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 20-7-2023 về nguồn gốc, hiện trạng và quá trình sử dụng diện tích đất 2.173m^2 theo đơn khởi kiện của ông Q, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp thông tin thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Ý kiến của Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Công trình hồ chứa nước Suối Sao do Đồng Nai xây dựng năm 1988, sau khi hoàn thành giao cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý. Năm 2011, có quyết định giao cho Trung tâm quản lý , khai thác công trình thủy lợi tỉnh B quản lý, khai thác sử dụng. Đến năm 2012, bàn giao khu đất trên thực địa.

Ngày 04-10-2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3904/QĐ-UBND về việc thu hồi 52.405,8m^2 đất do Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi đang quản lý tại xã Q để đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước S, huyện C.

Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã bàn giao công trình hồ chứa nước Suối Sao cho Ban quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh để sửa chữa, nâng cấp. Sau khi sửa chữa, nâng cấp xong, Ban quản lý dự án sẽ bàn giao lại cho Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 119/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q về việc:

- Hủy Văn bản số 269/UBND-VP ngày 27-01-2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Quy .

- Hủy Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 27-5-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quy .

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi diện tích đất 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68) tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Nguyễn Q theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22-8-2023 người khởi kiện ông Nguyễn Q kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Q (có ông Huỳnh Nhật T là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện. Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người khởi kiện trình bày: Năm 1978 Nhà nước đưa gia đình ông về vùng kinh tế mới, năm 1982 ông có khai hoang phần đất, sau đó nông trường yêu cầu ông giao đất để làm công nhân trong nông trường; Sau đó ra khỏi nông trường để tự trồng trọt canh tác. Thời gian đó phần đất thuộc tỉnh Đồng Nai, rồi mới chia tách thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sau đó mới có Ủy ban nhân dân xã Q. Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng đất nằm trong lòng hồ là không đúng vì phần đất này nằm ở bờ đập.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Thực tế ông Q đã quản lý sử dụng đất từ khi khai phá, khi Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định tại chỗ thì trên đất vẫn có cây trồng do ông Quy t để phát triển kinh tế.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu: Văn bản của Uỷ ban nhân dân huyện là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Phần diện tích ông Q yêu cầu bồi thường là đất thủy lợi nên không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định pháp luật. Uỷ ban nhân dân huyện giữ nguyên nội dung đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Phần đất ông Q quản lý sử dụng được xác định là nằm trong lòng hồ chưa nước Suối Sao theo các báo cáo của Phòng Tài nguyên, môi trường huyện. Hồ sơ địa chính năm 2004, 2009 thể hiện thửa đất nêu trên là đất suối. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng phần đất có cây trồng do ông Q trồng. Ông Q không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, không kê khai đăng ký, việc sử dụng đất là lấn chiếm nên không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc trường hợp sử dụng trước năm 2004 nên không đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi đất. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Q làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Người khởi kiện ông Nguyễn Quy trình b: Phần diện tích đất 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68) do ông quản lý, sử dụng từ khi khai hoang năm 1982 đến nay, nhưng khi bị thu hồi để thực hiện Dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao tại xã Q, huyện C thì không được bồi thường, hỗ trợ là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Văn bản số 269/UBND-VP ngày 27-01-2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Quy .

- Hủy Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 27-5-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quy .

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi diện tích đất 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68) tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Nguyễn Q theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Về nguồn gốc đất:

Theo bản đồ địa chính năm 1999 xã Q: Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 61.718m^2 do Ủy ban nhân dân xã Đ, loại đất TLi.

Tại sổ mục kê đất năm 2004 xã Q: Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 62.226m^2 do Ủy ban nhân dân xã Đ, loại đất Sg/suối.

Tại sổ mục kê đất năm 2009 xã Q: Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 62.226m^2 do Ủy ban nhân dân xã Đ, loại đất DTL.

Xét, theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện phần đất trên là do Ủy ban nhân dân xã Q đăng ký, kê khai. Ông Q cho rằng diện tích đất 2.173m^2 có nguồn gốc do ông khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1982 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, chỉ có lời khai của người làm chứng. Tuy nhiên, trong số những người làm chứng, có ông Lê H1 cũng khởi kiện vụ kiện hành chính tương tự vụ án hành chính của ông Q, ông H1 và ông Q làm chứng qua lại cho nhau nên không có cơ sở để xem xét. Quá trình sử dụng đất, ông Q không đăng ký kê khai, không nộp thuế cho Nhà nước. Mặt khác, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01-8-2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thì trên diện tích đất 2.173m^2 trồng các loại cây: 01 hàng chuối, 01 bụi tre, 01 cây sầu đâu, 02 cây keo và các loại cỏ nuôi bò (cỏ voi, cỏ xả, cỏ ống và cỏ mía); Theo ông Q, các loại cây trồng nói trên là do ông trồng, thời gian khoảng 08 đến 09 năm, riêng cỏ nuôi bò trồng khoảng 09 năm, nên lời trình bày của ông Q về

việc đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1982 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Theo hồ sơ do người bị kiện cung cấp thì diện tích đất 2.173m^2 nằm trong khu vực lòng hồ chứa nước Suối Sao, được hình thành từ năm 1988 để phục vụ tưới tiêu cho Nông trường cà phê, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã Q quản lý, sau này bàn giao lại cho Trung tâm quản lý , khai thác công trình thủy lợi tỉnh B. Việc sử dụng đất của ông Q là lấn chiếm sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không thuộc trường hợp đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01-7-2004 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013. Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Văn bản 269/UBND-VP về việc không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Q là đúng pháp luật.

[4.3] Do văn bản số 269/UBND-VP được xác định là có căn cứ, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 27-5-2022 bác khiếu nại của ông Q là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1955 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Q;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 119/2023/HC-ST ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q về việc:

- Hủy Văn bản số 269/UBND-VP ngày 27-01-2022 của Ủy ban nhân dân

huyện C về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Quy .

- Hủy Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 27-5-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quy .

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi diện tích đất 2.173m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 68) tại xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Nguyễn Q theo quy định pháp luật.

2/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Q được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (1);
- NBK (2);
-NLQ (4);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu